

Số: 4064/QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình và giao nhiệm vụ đào tạo

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế đào tạo thạc sĩ tại ĐHQGHN ban hành theo Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 2459/QĐ-ĐHQGHN ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Giám đốc ĐHQGHN;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1058/QĐ-ĐHQGHN ngày 18 tháng 03 năm 2024 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc bổ sung quy hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 3818/XHNV-ĐT ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn về việc hoàn thiện hồ sơ mở chương trình đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Công tác tín ngưỡng, tôn giáo;

Căn cứ biên bản họp thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành **Công tác tín ngưỡng, tôn giáo** (chuyên ngành đào tạo thí điểm).

Điều 2. Giao cho Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Công tác tín ngưỡng, tôn giáo theo đúng Quy chế đào tạo

thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội, các quy định hiện hành có liên quan và chương trình đào tạo kèm theo Quyết định này.

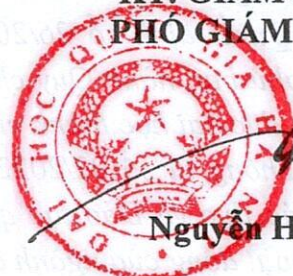
Điều 3. Trước khi khóa đầu tiên tốt nghiệp, chương trình đào tạo phải được đánh giá chất lượng; sau khi khóa đầu tiên tốt nghiệp, chương trình đào tạo phải được kiểm định theo quy định của Luật Giáo dục đại học.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo, Trưởng Ban Tổ chức Cán bộ, Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn và người đứng đầu các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban Giám đốc (để b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Lưu: VT, ĐT, LĐ5.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hiệu



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH: TÔN GIÁO HỌC
CHUYÊN NGÀNH: CÔNG TÁC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO
(Chuyên ngành đào tạo thí điểm)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4064/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

- + Tiếng Việt: Công tác tín ngưỡng, tôn giáo
- + Tiếng Anh: Religious affairs and belief management

- Tên ngành đào tạo:

- + Tiếng Việt: Tôn giáo học
- + Tiếng Anh: Religious Studies

- Mã số chuyên ngành đào tạo: Chuyên ngành đào tạo thí điểm

- + Mã số đề xuất: 8229009.03

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo chuẩn: 02 năm

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

- + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Tôn giáo học
- + Tiếng Anh: The Degree of Master in Religious Studies

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Thạc sĩ ngành Tôn giáo học, chuyên ngành Công tác tín ngưỡng, tôn giáo nhằm đào tạo nguồn nhân lực trình độ Thạc sĩ có những kiến thức lý luận và thực tiễn sâu, rộng, liên ngành trong lĩnh vực công tác tín ngưỡng, tôn giáo; có khả năng

nghiên cứu, trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ chuyên sâu về công tác tín ngưỡng, tôn giáo; tham mưu và giúp lãnh đạo cơ quan quản lý nhà nước thực hiện các nhiệm vụ về quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình được thiết kết để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao:

- Vận dụng sáng tạo hệ thống lý thuyết về công tác tín ngưỡng, tôn giáo vào thực tiễn công tác tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam.

- Có khả năng áp dụng linh hoạt và sáng tạo các kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ để tham gia tổ chức hoạt động nghiên cứu, công tác giảng dạy, giải quyết được các vấn đề từ thực tiễn hoạt động quản lý, tư vấn các chính sách liên quan đến công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo;

- Có bản lĩnh, lập trường chính trị vững vàng, có tinh thần thượng tôn pháp luật, có thái độ hợp tác, nghiêm túc trong công việc, tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

Xét tuyển theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

3.2. Đối tượng tuyển sinh

3.2.1. Yêu cầu về văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp, đồng thời yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu. Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức thì cần hoàn thành trước khi đăng ký dự tuyển.

Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2.2. Yêu cầu về ngoại ngữ

- Có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu của chương trình đào tạo bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Năng lực ngoại ngữ được minh chứng qua một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- + Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do ĐHQGHN cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự thi thạc sĩ được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN công nhận.

- Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài đều đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của chương trình đào tạo (nếu có).

3.2.3. Yêu cầu khác

- Có lí lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự.
- Có đủ sức khỏe để học tập;
- Đáp ứng các yêu cầu khác của ĐHQGHN.

3.3. Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức tương ứng

3.3.1. Danh mục ngành phù hợp

- *Ngành phù hợp 1:* Gồm các ngành cùng nhóm ngành với ngành Tôn giáo học
- *Ngành phù hợp 2:* Gồm các ngành trong nhóm ngành Khu vực học; Khoa học chính trị; Xã hội học và nhân học; Tâm lý học; Báo chí và truyền thông; Quản trị quản lý; Luật; Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam; Du lịch.

- *Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác:* Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành; báo cáo ĐHQGHN trước khi tuyển sinh và chịu trách nhiệm về việc đánh giá chuyên môn này.

3.3.2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức dành cho đối tượng ngành phù hợp 2 và ngành phù hợp khác

STT	Học phần	Số tín chỉ
Các học phần bổ sung kiến thức dành cho đối tượng ngành phù hợp 2		12
1	Triết học tôn giáo và tôn giáo học so sánh	3
2	Quản lý Nhà nước về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam	3
3	Kỹ năng nghiệp vụ công tác tôn giáo	3
4	Lịch sử các tổ chức tôn giáo và giáo hội học tôn giáo	3
Các học phần bổ sung kiến thức dành cho đối tượng ngành phù hợp khác		15
<i>I</i>	Học phần bắt buộc	12
1	Triết học tôn giáo và tôn giáo học so sánh	3
2	Quản lý Nhà nước về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam	3
3	Kỹ năng nghiệp vụ công tác tôn giáo	3
4	Lịch sử các tổ chức tôn giáo và giáo hội học tôn giáo	3
<i>II</i>	Học phần tự chọn	3/9
5	Nhập môn phương pháp nghiên cứu tôn giáo học	3
6	Thực hiện chính sách tôn giáo ở vùng dân tộc thiểu số và nhận diện lợi dụng tôn giáo	3
7	Tôn giáo, tín ngưỡng: Những vấn đề lý luận và thực tiễn	3

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh:

- Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm. (Dự kiến từ 15- 30 học viên/ năm).
- Kế hoạch tuyển sinh chi tiết được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo Thạc sĩ Tôn giáo học, chuyên ngành Công tác tín ngưỡng, tôn giáo người học có thể:

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

PLO 1: Hệ thống hóa được thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin, các kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành tôn giáo học về các tôn giáo trên thế giới và ở Việt Nam làm cơ sở phương pháp luận cho hoạt động nghiên cứu về công tác tín ngưỡng, tôn giáo.

PLO 02: Phân tích được hệ thống chính sách và kiến thức liên ngành làm cơ sở triển khai hoạt động nghiên cứu, tư vấn chính sách phù hợp với thực tiễn pháp lý và bối cảnh đời sống xã hội Việt Nam trong môi trường toàn cầu.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

PLO 03: Đánh giá các các hoạt động quản lý nhà nước, đề án, chương trình cấp nhà nước và địa phương về công tác tín ngưỡng tôn giáo trong bối cảnh toàn cầu.

PLO 04: Chia sẻ các kiến thức, quan điểm chuyên môn về tín ngưỡng tôn giáo trong công tác nghiên cứu, trao đổi học thuật, giảng dạy cũng như phục vụ công tác xây dựng chính sách và quản lý nhà nước về tín ngưỡng tôn giáo.

PLO 05: Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm

PLO 06: Phối hợp triển khai một đề tài, dự án nghiên cứu khoa học, đề án quản lý tín ngưỡng tôn giáo phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy và quản lý.

PLO 07: Đưa ra các nhận định, gợi ý mang tính chuyên gia về các vấn đề tín ngưỡng tôn giáo góp phần phát triển môi trường học thuật, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng chính sách và quản lý nhà nước các cấp.

4. Yêu cầu đối với luận văn thạc sĩ

- Đề tài luận văn đúng mã số chuyên ngành, được Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa thông qua và được giao cho học viên theo Quyết định của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Kiến thức luận văn Thạc sĩ: Luận văn là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có hệ thống, có những đóng góp giá trị về mặt khoa học và thực tiễn, phù hợp với chuyên ngành Công tác tín ngưỡng, tôn giáo.

- Luận văn phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào.

- Kết quả luận văn có đóng góp nhất định với ngành, có giá trị đối với lĩnh vực nghiên cứu, hoạt động của người học.

- Luận văn phải đáp ứng các yêu cầu cụ thể khác theo quy định của ĐHQGHN.

5. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ Công tác tín ngưỡng, tôn giáo, học viên có thể sử dụng các kiến thức và kỹ năng được đào tạo để tham gia và đảm nhiệm ở nhiều cương vị công tác khác nhau như:

- Tham gia công tác nghiên cứu và giảng dạy tại các trường Đại học, Viện nghiên cứu và các cơ sở đào tạo khác liên quan đến tôn giáo học.

- Làm việc tại các cơ quan ban ngành của Chính phủ, địa phương như: Ban Dân vận, UBMTTQVN, Bộ Nội vụ... và các đoàn thể chính trị xã hội khác.

- Công tác trong các cơ quan hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, trong các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị, các tổ chức kinh tế - xã hội.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự tìm tòi và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động thực tiễn tại cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp;

- Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu về các vấn đề lý luận và thực tiễn có liên quan đến quản lý tín ngưỡng, tôn giáo;

- Học viên sau khi tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Công tác tín ngưỡng, tôn giáo có thể học tiếp lên bậc học Tiến sĩ các ngành phù hợp tại Việt Nam hoặc đi nghiên cứu chuyên sâu ở nước ngoài.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy của chương trình đào tạo: 60 tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức chung: 09 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 24 tín chỉ
 - + Bắt buộc: 15 tín chỉ
 - + Tự chọn: 09 tín chỉ/24 tín chỉ
- Nghiên cứu khoa học: 27 tín chỉ
 - + Chuyên đề nghiên cứu: 12 tín chỉ
 - + Luận văn thạc sĩ: 15 tín chỉ

2. Khung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Khối kiến thức chung		9				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	55	10	135	
2	Ngoại ngữ B2 ¹ (chọn một trong các ngoại ngữ sau)		5	250	0	0	
	ENG5001	Tiếng Anh B2 <i>English B2</i>	5	250	0	0	
	RUS5001	Tiếng Nga B2 <i>Russian B2</i>	5	250	0	0	
	CHI5001	Tiếng Trung Quốc B2 <i>Chinese</i>	5	250	0	0	
	FRE5001	Tiếng Pháp B2 <i>French B2</i>	5	250	0	0	
	WES5001	Tiếng Đức B2 <i>Germany B2</i>	5	250	0	0	
	OLC5001	Tiếng Nhật B2 <i>Japanes B2</i>	5	250	0	0	

¹ Số tín chỉ của học phần ngoại ngữ B2 được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo nhưng không tính vào điểm trung bình chung tích lũy

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
	KOR5001	Tiếng Hàn Quốc B2 <i>Korean B2</i>	5	250	0	0	
	THA5001	Tiếng Thái Lan B2 <i>Thailand B2</i>	5	250	0	0	
	ARA5001	Tiếng Ả Rập B2 <i>Arabic B2</i>	5	250	0	0	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		24				
II.1	Các học phần bắt buộc		15				
3	REL6022	Công tác tín ngưỡng, tôn giáo: từ quan điểm Mác – Lênin đến thực tiễn Việt Nam <i>Religious affairs and belief management: From Marxist-Leninist conception to Vietnamese reality</i>	3	40	10	100	
4	REL6012	Thực hành nghiệp vụ Công tác tôn giáo ở Việt Nam <i>Religious affairs practice in Vietnam</i>	3	40	10	100	
5	REL6023	Công tác tôn giáo ở Việt Nam: những vấn đề lý luận và thực tiễn <i>Religious affairs in Vietnam: theoretical and practical issues</i>	3	40	10	100	
6	REL6024	Công tác tín ngưỡng ở Việt Nam: những vấn đề lý luận và thực tiễn <i>Belief management in Vietnam: theoretical and practical issues</i>	3	40	10	100	
7	REL6025	Luật tín ngưỡng, tôn giáo và thực thi luật tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam <i>Religion and belief law and its implementation in Vietnam</i>	3	40	10	100	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
II.2	Các học phần tự chọn		9/24				
8	REL6006	Nguồn lực của tôn giáo và phát huy nguồn lực của tôn giáo ở Việt Nam <i>Religious resource and promotion of religious resource in Vietnam</i>	3	40	10	100	
9	REL6026	Công tác thông tin, tuyên truyền trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo <i>Information and propagation activity in the field of religion and belief</i>	3	40	10	100	
10	REL6002	Tôn giáo, văn hóa và đời sống xã hội <i>Religious, Culture and Social life</i>	3	40	10	100	
11	REL6027	Kỹ năng nghiệp vụ vận động, chức sắc, tín đồ tín ngưỡng, tôn giáo <i>Professional skills in mobilizing religious dignitaries and followers</i>	3	40	10	100	
12	REL6028	An ninh tôn giáo <i>Religious Security</i>	3	40	10	100	
13	REL6004	Quản lý Nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay <i>State management of religious activities in Vietnam today</i>	3	40	10	100	
14	REL6029	Chính sách tôn giáo một số nước trên thế giới và công tác đối ngoại tôn giáo ở Việt Nam <i>Religious policies in some</i>	3	40	10	100	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>countries and Vietnam's religious diplomacy</i>					
15	REL6030	Công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực tôn giáo, tín ngưỡng <i>Inspection and supervision duty in the field of religion and belief</i>	3	40	10	100	
III	Nghiên cứu khoa học		27				
III.1	Chuyên đề nghiên cứu		12				
16	SSH6001	Các tiếp cận và phương pháp nghiên cứu trong khoa học xã hội và nhân văn <i>The Approaches and Research methods of Social Sciences and Humanities</i>	4	30	15	155	
17	SSH6002	Các trường phái trong khoa học xã hội và nhân văn <i>The Schools in Social Sciences and Humanities</i>	4	30	15	155	
18	REL6031	Dự án nghiên cứu thực địa <i>Field studies</i>	4	10	0	190	
III.2	Luận văn thạc sĩ		15				
19	REL7002	Luận văn Thạc sĩ <i>Master Thesis</i>	15	0	0	750	
Tổng cộng			60				

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lí thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá